

Số: /TM-BVYDCT-PHCN

Điện Biên, ngày 07 tháng 8 năm 2025

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Y Dược cổ truyền- Phục hồi chức năng tỉnh Điện Biên có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu cung ứng hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế, sinh phẩm chẩn đoán invitro năm 2025 - 2027 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Y Dược cổ truyền- Phục hồi chức năng tỉnh Điện Biên.

Địa chỉ: Tổ 13, Phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Bà Đào Thị Huyền, Khoa dược, Bệnh viện Y Dược cổ truyền- Phục hồi chức năng tỉnh Điện Biên; Địa chỉ: Tổ 13, Phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Số điện thoại: 0916.893.369, email: khoaduocydctphcn@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Bà Đào Thị Huyền, Khoa dược Bệnh viện Y Dược cổ truyền- Phục hồi chức năng tỉnh Điện Biên; Địa chỉ: Tổ 13, Phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Số điện thoại: 0916.893.369.

- Nhận qua email: khoaduocydctphcn@gmail.com.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 16h ngày 07 tháng 8 năm 2025 đến trước 16h ngày 17 tháng 8 năm 2025

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 17 tháng 8 năm 2025.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục hàng hóa (phụ lục 01).

Yêu cầu thông số kỹ thuật quy định trong mục này là tối thiểu, nhà thầu có thể chào thầu những hàng hóa có thông số kỹ thuật tương đương hoặc tốt hơn. (Bất kỳ thương hiệu, ký mã hiệu (nếu có) trong tiêu chuẩn kỹ thuật chi tiết là để minh họa các tiêu chuẩn chất lượng, tính năng kỹ thuật. Vì vậy nhà thầu có thể chào các hàng hóa có thương hiệu, ký mã hiệu khác nhưng phải đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật, đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng “tương đương” hoặc “tốt

hơn” so với yêu cầu). Nhà thầu có quyền chào Quy cách đóng gói khác, miễn sao đáp ứng được khối lượng sử dụng theo mời thầu.

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp hàng hóa: khoa Dược Bệnh viện Y Dược cổ truyền- Phục hồi chức năng tỉnh Điện Biên. Địa chỉ: Tổ 13, Phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: 24 tháng.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Không.

5. Hồ sơ báo giá bao gồm:

Báo giá theo mẫu *Phụ lục 2* đính kèm thông báo này.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý công ty, cơ quan.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban giám đốc;
- Website BVYDCT- PHCN;
- Website muasamcong.mpi.gov.vn;
- Website chaogiattbyt.moh.gov.vn
- Lưu VT, KD.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Trọng Ninh

PHỤ LỤC 02
MẪU BÁO GIÁ

(Kèm thư mời báo giá số: /TM-BVYDCT-PHCN ngày 13 tháng 05 năm 2025 của Bệnh viện Y Dược cổ truyền- Phục hồi chức năng tỉnh Điện Biên)

BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Y Dược cổ truyền- Phục hồi chức năng tỉnh Điện Biên

Trên cơ sở Yêu cầu báo giá số ... /TM- BVYDCT-PHCN ngày 13 tháng 5 năm 2025 của Bệnh viện Y Dược cổ truyền- Phục hồi chức năng tỉnh Điện Biên, chúng tôi ... [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh) báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan:

ST T	Tên vật tư y tế- Sinh phẩm- Hóa chất	Thông số kỹ thuật/ thành phần	Ký, mã, nhãn hiệu, model	Quy cách đón g gói	Tên thươn g mại	Hãng / nước sản xuất	Mã HS	Năm sản xuất	Xuất sứ	Số lượng/Khố i lượng	Đơn giá VNĐ	Chi phí cho các dịch vụ liên quan VNĐ	Thuế phí, lệ phí (nếu có) VNĐ	Thàn h tiền VNĐ
1														
2														
...														
Tổng cộng (Đã bao gồm thuế, phí, lệ phí)														

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ... ngày [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng ... năm ... [Ghi ngày ... tháng ... năm ... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục 1 – Yêu cầu báo giá]

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

... , ngày ... tháng ... năm ...

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp
(Ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC 01

**DANH MỤC HÓA CHẤT, VẬT TƯ XÉT NGHIỆM, THIẾT BỊ Y TẾ, SINH PHẨM CHẨN ĐOÁN INVITRO
NĂM 2025 – 2027**

(Kèm theo thư mời số: /TM-BVYDCT-PHCN Ngày 7/8/2025 của Bệnh viện Y Dược cổ truyền- Phục hồi chức năng tỉnh Điện Biên)

STT	STT trong phần	Tên hàng hóa	Tính năng, thông số kỹ thuật thẩm định	Đơn vị tính thẩm định	Số lượng
		Phần 1: Vật tư, hoá chất nha khoa			
1	1	Acid etching	Thành phần 37% acid phosphoric. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Lọ	4
2	2	Bonding	Dùng để tăng độ kết dính giữa xi măng hàn răng và răng. Chai $\geq 6g$	Lọ	4
3	3	Cán gương	Chất liệu: làm bằng thép không gỉ, có thể hấp sấy được. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Cái	10
4	4	Compusite lỏng	Compusite lỏng, kèm đầu bơm	Tuýp	4
5	5	Cốc nhựa dùng 1 lần	Chất liệu nhựa dùng một lần. Dùng trong nha khoa.	Cái	40
6	6	Chất hàn Compusite	Thành phần: hạt độn Ziconia silica, có độ cứng và độ mòn tối đa. Thao tác thuận tiện, cho phép đắp Composite dễ dàng, không dính dụng cụ, có độ đục tương ứng với men và ngà, giúp đạt độ thẩm mỹ tối ưu. Dễ đánh bóng, chiều đèn 20s.	Tuýp	4
7	7	Gương	Khung viền bằng thép inox không gỉ, mặt gương sáng bóng	Cái	10
8	8	Kim nha khoa cỡ 27G	Kim sắc nhọn, sử dụng cho Nha Khoa. Sử dụng công nghệ cắt vát 2 lần làm cho đầu kim nhọn hơn, diện tích cắt qua mặt da nhỏ hơn, đỡ đau hơn. Được chế tạo bằng chất liệu đặc biệt, dễ dàng uốn cong 90° mà không bị gãy kim, không bị tắc kim. Cỡ kim: 27Gx13/16. Đạt tiêu chuẩn ISO	Cái	100
9	9	Mũi khoan kim cương	Vật liệu thép không gỉ, mạ kim cương phần đầu, hình tròn trụ và hình chóp lủa. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Cái	20
10	10	Tăm bông composid	Hộp ≥ 100 cái	Cái	100
		Phần 2: Băng, băng gạc, băng dính, vật liệu cầm máu			
11	1	Băng dính 2 đầu	Kích thước: 20mm x 60mm. Thành phần: Nền miếng gạc bằng Viscose phủ lớp chống dính polyethylene đảm bảo an toàn cho vết thương, Nền miếng băng bằng vải polyamide, phủ keo oxid kẽm.	Miếng	10.000
12	2	Băng dính y tế	Băng vải lụa đan dệt taffeta, màu trắng, số sợi 44x18/cm ² . Bờ răng cưa hai bên giúp xé dễ dàng. Keo Oxyd kẽm không dùng dung môi. Kích thước: 5cm x 5m.	Cuộn	130
13	3	Bông thấm nước	Bông y tế thấm nước 100% bông xơ thiên nhiên. Tốc độ hút nước ≤ 5 giây.	Kg	850

14	4	Gạc cầu	Gạc được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút rất cao. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Được đóng gói Tiệt trùng.	Cái	8.000
15	5	Gạc phẫu thuật 10 x 10cm x 12 lớp vô trùng	Sản phẩm được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút rất cao, không có độc tố. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Tốc độ hút nước ≤ 5 giây. Độ ngậm nước ≥ 5 g nước/1g gạc.	Miếng	8.000
16	6	Miếng dán cố định dây truyền	Lớp film Polyurethane trong suốt: Chống thấm nước và vi khuẩn, Quan sát được vùng tiêm và vùng da, Thông thoáng, Co giãn. Kích thước 6 x 7cm.	Miếng	3.000
		Phần 3: Găng tay, dung dịch sát khuẩn, khử khuẩn, rửa vết thương, chất bôi trơn, khử khuẩn, vệ sinh dụng cụ y tế			
17	1	Cồn 90 độ	Hàm lượng Ethanol 90%. Dung tích ≥ 500 ml.	Chai	50
18	2	Dung dịch rửa tay thường quy	Chlorhexidine Digluconate 4% (w/w) và các chất phụ gia, chất dưỡng da (Glycerine, Alcohol Ethoxylates, Alkyl Polyglycoside, Aloe Vera, Cocamide Diethanolamine, Vitamin E, Cocamidopropyl Betaine, Polyquatium 7 ...) vừa đủ 100%. ≥ 500 ml	Chai	700
19	3	Dung dịch sát khuẩn tay nhanh	Chlorhexidine Digluconate 0,5% (v/v); Ethanol 73% (v/v) và các chất phụ gia, chất dưỡng da (Glycerine, Alpha- Terpineol, Alpha-Bisabolol, Aloe Vera, Vitamin E...) vừa đủ 100%. ≥ 1000 ml	Chai	600
20	4	Găng tay kiểm tra các cỡ	Găng kiểm tra dùng trong y tế các cỡ S, M. - Sản xuất từ cao su thiên nhiên, có phủ bột. Chống dính, không gây kích ứng da - Độ dày tối thiểu 1 lớp $\geq 0,08$ mm; Chiều dài ≥ 240 mm.	Đôi	40.000
21	5	Găng tay tiệt trùng các số	Bề dày: $\geq 0,18$ mm, Chiều dài: ≥ 280 mm, các cỡ. Cường lực khi đứt: Trước khi lão hóa: $\geq 12,5$ N, Sau lão hóa: $\geq 9,5$ N. Độ giãn đứt: Trước lão hóa: $\geq 700\%$, Sau lão hóa: $\geq 550\%$. Lượng bột: ≥ 80 mg/đôi.	Đôi	2.000
22	6	Dung dịch bôi trơn dụng cụ y tế	Thành phần gồm: Butane, Propane, Isobutane, White mineral oil và Isopentane.	Chai	5
23	7	Dung dịch khử khuẩn mức độ cao, tiệt khuẩn thiết bị, dụng cụ y tế	Glutaraldehyde 2,55 % (w/w), hệ đệm pH= 5-6. Thời gian đồ ra chậu ngâm: Tối đa 30 ngày nồng độ hoạt chất có tác dụng tối thiểu: 1,5%(w/w). Can ≥ 5 lít.	Can	20
24	8	Dung dịch khử khuẩn và làm sạch dụng cụ y tế	Thành phần chính: Didecylidimethyl ammonium chloride 6,5% + Chlorhexidine digluconate 0,074%, chất hoạt động bề mặt non-ionic.	Lít	40
25	9	Dung dịch tẩy rửa dụng cụ y tế	Dung dịch dùng để loại bỏ các loại chất hữu cơ và cặn vô cơ, cặn oxit và khoáng chất	Lít	10
26	10	Javen 12%	Can ≥ 30 lít	Lít	30
27	11	Natri clorid dùng ngoài	Dung dịch có nồng độ 0,9% chai ≥ 500 ml	Chai	400
28	12	Viên nén khử khuẩn	Viên sủi khử khuẩn, thành phần 2,5g Troclosense Sodium 50% kl/kl. pH 5.0-6.5 - 1 viên nặng 5g có thành phần: hoạt chất Troclosense Sodium 50% tương đương 2.5g/viên, Apidic	Hộp	180

			acid 1,2g/viên tương đương 24% trọng lượng 1 viên. - Dạng viên sủi tan nhanh trong nước		
		Phần 4: Bơm tiêm, dây truyền dịch, các loại dây, ống, túi			
29	1	Bơm tiêm insulin 1ml	- Bơm tiêm được làm bằng nhựa PP dùng trong y tế, không có chất DEHP. Bơm gắn liền kim, dung tích 1ml. Kim các cỡ 30Gx1/2" và 30Gx5/16". - Gioăng có núm. - Vô trùng, không có độc tố và chất gây sốt.	Cái	20.000
30	2	Bơm tiêm nhựa 10ml	Bơm tiêm nhựa liền kim 10 ml, cỡ kim 23G, 25G.	Cái	1.000
31	3	Bơm tiêm nhựa 1ml	- Xy lanh dung tích 1ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh. - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Gioăng có núm bơm hết hành trình giúp tiêm hết thuốc, khí và dung dịch tiêm không lọt qua được gioăng. - Sản phẩm được tiệt trùng	Cái	200
32	4	Bơm tiêm nhựa 20ml	Bơm tiêm nhựa liền kim 20ml, cỡ kim 23G, 25G. Pít tông có khía bề gây dễ hủy sau khi sử dụng; Bề mặt gioăng phẳng giúp đẩy khí dễ dàng và đẩy hết thuốc khi tiêm.	Cái	2.000
33	5	Bơm tiêm nhựa 3ml	- Xy lanh dung tích 3ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh. - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Pít tông có khía bề gây dễ hủy. - Sản phẩm được tiệt trùng	Cái	1.000
34	6	Bơm tiêm nhựa 5ml	- Xy lanh dung tích 5ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh.- Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Pít tông có khía bề gây dễ hủy. Cỡ kim 23G, 25G.- Sản phẩm được tiệt trùng	Cái	45.000
35	7	Dây truyền dịch kim cánh bướm	Dây dẫn có chiều dài ≥ 1500 mm, cấu tạo từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm dẻo, dai, độ đàn hồi cao. Bộ phận điều chỉnh dòng chảy, kim xuyên nút chai sản xuất từ nhựa ABS nguyên sinh. Buồng đếm giọt thể tích ≥ 8.5 ml, có màng lọc dịch $\leq 15\mu$ m. Có bầu cao su tiếp thuốc. Van thoát khí có thiết kế màng lọc khí vô khuẩn. Kim hai cánh bướm. Đầu nối Luer lock có cơ chế xoay. Đã tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn CE.	Bộ	5.000
36	8	Dây truyền dịch	Dây dẫn cấu tạo từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm dẻo, dai, độ đàn hồi cao, không gãy gấp khi bảo quản và sử dụng; Độ dài dây truyền ≥ 1500 mm. Dây truyền dịch kèm kim thường. Đầu nối Luer lock. Có bầu cao su tiếp thuốc.	Bộ	1.000
37	9	Ống nội khí quản các số	Bóng thể tích lớn áp lực thấp an toàn khi lưu lâu. Độ cong tương thích sinh học, có đường cản quang đậm dọc ống, nhãn an toàn. Các cỡ dùng cho trẻ sơ sinh, trẻ em, người lớn.	Cái	5
38	10	Sonde Foley 2 nhánh các số	Sonde Foley 2 nhánh các số. Sản xuất từ cao su thiên nhiên, không chứa DEHP. Vô trùng.	Cái	80
39	11	Sonde Nelaton các số	Ống dài ≥ 40 cm, bằng cao su. Đầu hờ với 2 lỗ bên giúp dẫn lưu tối đa.	Cái	80
40	12	Túi nước tiểu	Sản xuất từ nhựa y tế PVC, không độc hại. - Kích cỡ 2000ml, độ dày 1.2mm, phân vạch rõ ràng. Có vạch dung tích mỗi 100ml. - Van xả thoát đáy chữ T, chống trào ngược, ống đầu vào 90cm.	Bộ	30
41	13	Dây cho ăn các số	Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh.	Cái	100

42	14	Dây hút nhót	Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh không chứa DEHP. Độ dài $\geq 500\text{mm}$. Khoá van chia nhiều màu để phân biệt giữa các số.	Cái	200
43	15	Dây nối bơm tiêm điện	Dây nối bơm tiêm điện. Đầu nối Luer Lock. Dây chất liệu PVC. Dây dài 75 cm.	Cái	40
44	16	Dây thở oxy các cỡ	Chất liệu nhựa PVC y tế cao cấp, bao gồm dây dẫn và gọng mũi. - Không chứa chất DEHP, được tiệt trùng - Ống dây mềm, chống vặn xoắn. Bề mặt trơn nhẵn. - Các cỡ: trẻ sơ sinh, trẻ em và người lớn - Dây dẫn có chiều dài $\geq 2\text{ m}$, lòng ống có khóa chống gập. 2 nhánh	Bộ	100
		Phần 5: Phim X-quang y tế			
45	1	Phim X Quang	- Kích thước 25x30cm, tương thích với máy in phim Drystar 5302. - Nền PET dày khoảng 168 μm , phủ lớp muối bạc nhạy nhiệt. - Tổng hàm lượng bạc của phim $\leq 1,0\text{ g/m}^2$. - Mật độ quang học ≥ 3.2 . - Đạt các tiêu chuẩn CE hoặc FDA.	Tờ	1.000
46	2	Phim X Quang	Phim khô laser cỡ 20x25 cm (8x10 inch) tương thích máy in phim khô laser Fujifilm, sử dụng công nghệ Eco Dry thân thiện môi trường, phim gồm 4 lớp: lớp bảo vệ, lớp nhạy sáng, lớp phim, lớp bảo vệ. Mật độ tối đa 3.3.	Tờ	4.500
		Phần 6: Chỉ và kim			
47	1	Chỉ không tiêu liên kim số 3/0	Chỉ không tiêu đơn sợi tổng hợp Polyamide (nylon) số 3/0 dài 75cm kim tam giác 3/8C24.	Sợi	12
48	2	Chỉ phẫu thuật tổng hợp số 2/0, 3/0, 4/0	- Chỉ tự tiêu tổng hợp đa sợi, số 2/0, 3/0, 4/0 bằng Polyglactin 910, dài 75cm, tiệt trùng. - 01 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhọn, bằng thép không gỉ, dài 26 mm, 1/2 C, phủ silicon.	Sợi	96
49	3	Chỉ tiêu không kim các số	Chỉ tan tự nhiên catgut chromic 4/0 không kim, chiều dài chỉ 150cm. Đóng gói 2 lớp, bên trong là túi nhôm, bền dai, chống rách, ngăn khuẩn hiệu quả.	Sợi	120
50	4	Kim cánh bướm	Bộ kim cánh bướm, cỡ 23G, 25G. Dây dẫn bằng chất liệu nhựa nguyên sinh PVC, dài $\geq 30\text{cm}$, đường kính trong 1.5mm, đường kính ngoài 2.5mm, không DEHP. Kim bằng vật liệu thép không gỉ, đầu kim sắc nhọn, vát 3 cạnh, không có gờ, có nắp chụp.	Cái	500
51	5	Kim cấy chỉ các cỡ	Các cỡ 0.7x57mm/ 0.7x63mm	Cái	500
52	6	Kim khâu cứu các số	Kim khâu cứu vô trùng các số loại dùng 1 lần. Kim đốc thép y tế không gỉ, dẫn điện tốt.	Cái	1.000.000
53	7	Kim chọc dò gây tê tuỷ sống các cỡ	Kim chọc dò tuỷ sống, thích hợp cho gây tê tuỷ sống. Chuôi kim trong suốt, có phản quang, có dấu hiệu nhận biết mặt vát hướng lên hoặc hướng xuống.	Cái	40
54	8	Kim lấy thuốc các số	Kim các số, Vi định kim có chỉ thị màu phân biệt các cỡ kim. Tiệt trùng	Cái	4.000
55	9	Kim luồn tĩnh mạch có cánh	Kim luồn tĩnh mạch có cánh, có bốn vạch cản quang trong cannunyn, catheter chất liệu FEP-Teflon. - Đầu kim 3 mặt vát (1 mặt vát trên, 2 mặt vát dưới), có đầu bảo vệ bằng kim loại dạng lò xo gồm 2 cánh tay đòn bắt chéo nhau, có mũi sắt bịt lại đầu kim sau khi sử dụng. - Màng kỵ nước có lỗ thoát khí ở chuôi kim chống máu tràn ra khi thiết lập đường truyền	Cái	300

			- Kích cỡ: 20G, 22G, 24G. Đã tiệt trùng		
		Phần 7: Vật tư khác			
56	1	Bàn chải rửa tay phẫu thuật	Kích thước 4 x 10cm, thân bàn chải cứng, đầu lông mềm. Đóng gói riêng lẻ.	Cái	10
57	2	Băng keo chỉ thị nhiệt hấp khô	Băng keo chỉ thị nhiệt là cuộn băng dán bằng giấy tổng hợp giãn nở theo nhiệt, mặt trên có các vạch mực in thay đổi màu sắc khi tiếp xúc với nhiệt độ và hơi nước trong một khoảng thời gian nhất định. Đạt TC ISO	Cuộn	4
58	3	Băng keo chỉ thị nhiệt hấp ướt	Vật liệu bằng giấy phủ keo dính Acrylic và vạch mực chỉ thị hóa học.	Cuộn	2
59	4	Bột talc	Túi ≥ 1 kg	Kg	50
60	5	Cốc đựng mẫu	Ống được sản xuất bằng nhựa PP chất lượng cao, không chứa kim loại. không có nắp. 3ml	Cái	500
61	6	Đề lưỡi gỗ sử dụng một lần	Được sản xuất từ gỗ tự nhiên Kích thước: 150mm x 20mm x 2mm, Hộp ≥ 100 cái	Cái	300
62	7	Đồng hồ Ô-xy	Tốc độ dòng chảy từ 1~15l/phút. Gồm: Dây thở oxy, mặt nạ oxy, bình tạo ẩm	Cái	1
63	8	Gel bôi trơn	Trong suốt, không màu, không mùi. Tan trong nước và dễ dàng rửa sạch bằng nước thường. Thành phần chính: Nước cất, Hydroxyethyl cellulose, glycerine, natri hydroxid, sodium benzoat.	Tub	20
64	9	Gel điện tim	Sử dụng trong các điện cực chuẩn đoán kỹ thuật số. Không gây dị ứng, không gây kích ứng da, không chứa chất dầu, không có chất formaldehyde và muối. Đặc biệt gel không có mùi hôi, không gây độc hại. ≥ 250 g	Chai/Tuýp	5
65	10	Gel siêu âm	Trong suốt, không màu hoặc màu xanh, dễ tan trong nước và dễ dàng rửa sạch bằng nước thường. Can ≥ 5 lít.	Can	30
66	11	Giấy điện tim	Giấy 3 cần phù hợp với máy điện tim 3 cần.	Cuộn	80
67	12	Giấy in nhiệt 5 - 5,5 cm	Kích thước: 5 - 5,5cm x 30m	Cuộn	400
68	13	Giấy siêu âm	Kích thước 11cm x 20m, dùng cho máy siêu âm Sony.	Cuộn	100
69	14	Khăn lau khử khuẩn và làm sạch bề mặt trang thiết bị y tế	Thành phần: Didecyl Dimethyl Ammonium Chloride 0,5 % (w/w). Isopropanol 28 % (w/w).	Miếng	2.000
70	15	Khẩu trang y tế	Khẩu trang y tế 3 lớp vô trùng.	Cái	50.000
71	16	Khí oxy trong bình	Bình khí nén ≥ 40 lít	Bình	8
72	17	Khí oxy trong bình	Bình khí nén ≥ 10 lít	Bình	16
73	18	Mũ phẫu thuật vô trùng	Vải không dệt polypropylen cao cấp, màu đồng đều, không loang bẫn, ko dính tạp chất, không kích ứng da.	Cái	400
74	19	Nước cất vô trùng	Can ≥ 5 lít.	Lít	500
75	20	Nhiệt kế	Gồm 2 phần: Phần cảm nhận nhiệt độ là bầu đựng thủy ngân và phần hiển thị kết quả là thang chia vạch.	Cái	5
76	21	Ống chống đông EDTA	Ống nghiệm nhựa PP hoặc tương đương, kích thước 12x75mm, nắp bằng nhựa LDPE mới 100%. Thành phần hóa chất: EDTA K2.	Cái	30.000

77	22	Ống chống đông Heparin	Ống nghiệm nhựa PP hoặc tương đương, kích thước 12x75mm, nắp bằng nhựa LDPE mới 100%. Thành phần hóa chất: Lithium Heparin dưới dạng hạt sương.	Cái	25.000
78	23	Ống Eppendorf	Ống ly tâm 1.5 ml màu trong, nắp phẳng gắn liền với thân ống, nguyên liệu nhựa PP, trong suốt, có chia vạch. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, EC hoặc tương đương.	Cái	500
79	24	Ống nghiệm thủy tinh	Chất liệu thủy tinh, các loại các cỡ.	Ống	1.000
80	25	Tay dao điện	Đầu 3 giác nối với dây dài 3m. Tay dao cấu tạo như cây viết với một đầu để lắp đầu dao mổ, trên thân tay dao có hai nút bấm tương ứng với hai chế độ cắt (CUT) và cầm máu đơn cực (COAG).	Cái	30
81	26	Tấm trải	Được làm nguyên liệu màng nylon HD, màu trắng trong, kích thước 100cm x 130cm. Sản phẩm chứa trong túi giấy dùng trong y tế có màu chỉ thị đã được tiệt trùng	Cái	30
82	27	Túi đóng thuốc đông y	01 cặp túi (9kg) bao gồm 2 cuộn: 1 cuộn mặt trước, 1 cuộn mặt sau. Chiều dài tối thiểu: 400 m; Độ dày: 120-135µm; Chiều rộng: 10cm ± 0,1cm, có in logo và hướng dẫn sử dụng	Cặp	110
83	28	Vòng cao su thất trĩ	Độ chính xác tương đồng với kit thương mại khác ≥ 99.9%	Cái	100
		Phần 8: Sinh phẩm chẩn đoán invitro			
84	1	Test nhanh chẩn đoán Morphin	Phát hiện morphin-heroin trên mẫu nước tiểu. Ngưỡng phát hiện 300 ng/ml. Độ chính xác > 99.9%; Độ nhạy >99% chính xác ở mức 50% trên và 50% dưới của nồng độ ngưỡng.	Test	2.000
85	2	Test nhanh chẩn đoán viêm gan B	Độ nhạy ≥ 98%, độ đặc hiệu ≥ 99%. Giới hạn phát hiện ≤ 0.1IU/ml. Thời gian đọc kết quả ≤ 15 phút, độ ổn định của kết quả xét nghiệm tới 30 phút. Không cần sử dụng dung dịch đệm (chase) cho mẫu máu huyết thanh, huyết tương.	Test	200
86	3	Test phát hiện kháng thể virus HIV	Độ nhạy 100%, độ đặc hiệu ≥ 99,75%, Cho kết quả nhanh trong vòng 15 phút, Độ ổn định của kết quả xét nghiệm tới 60 phút, không cần sử dụng thêm bất kỳ dung dịch đệm(chase) cho mẫu máu huyết thanh, huyết tương	Test	100
87	4	Test thử đường huyết	Phù hợp với máy Sapphire Plus hoặc tương đương	Test	1.200
88	5	Test thử nước tiểu 11 thông số	Ascorbic Acid (ASC), Glucose (GLU), Bilirubin (BIL), Ketone (KET), Specific Gravity (SG), Blood (BLO), pH, Protein (PRO), Urobilinogen (URO), Nitrite (NIT), Leukocytes (LEU).	Test	22.000
89	6	Test ma túy tổng hợp 5 thành phần	Test nhanh xét nghiệm định tính, đồng thời 5 chất gây nghiện MOP/Codein/Heroin (6-MAM)/AMP/THC trong nước tiểu Nồng độ ngưỡng phát hiện MOP là 300 ng/mL; Codein là 300 ng/mL; Heroin (6-MAM) là 10 ng/mL; AMP là 1000ng/ml ; THC là 50 ng/ml - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 và CE	Test	7.000
		Phần 9: Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch Lansion LS-1100 hoặc tương đương			
90	1	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch (HbA1C)	*Bộ xét nghiệm HbA1c (Xét nghiệm miễn dịch huỳnh quang khô) được dùng để đo định lượng HbA1c trong ống nghiệm trong máu toàn phần của người và máu đầu ngón tay	Test	1.000
91	2	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch(TT3)	*Bộ xét nghiệm TT3 (Xét nghiệm miễn dịch huỳnh quang khô) dùng để định lượng in vitro TT3 toàn phần (Triiodothyronine) trong huyết thanh và huyết tương người ở điều kiện sinh lý bình thường	Test	200

92	3	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch(TT4)	*Bộ xét nghiệm TT4 (Xét nghiệm miễn dịch huỳnh quang khô) được dùng để đo định lượng trong ống nghiệm tổng số TT4(Thyroxine) trong huyết thanh và huyết tương người trong điều kiện vật lý bình thường	Test	200
93	4	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch (TSH)	*Bộ xét nghiệm TSH (Xét nghiệm miễn dịch huỳnh quang khô) được dùng để đo định lượng TSH (hormone kích thích tuyến giáp) trong huyết thanh và huyết tương người trong ống nghiệm	Test	200
		Phần 10: Hóa chất dùng cho máy Huyết học CX3			
94	1	Dung dịch pha loãng	* Thành phần hóa học: Natri Clorua: < 1,5% Chất đệm: < 1.0% Chất bảo quản: < 0.5% Chất ổn định: < 0.5% còn lại là nước không I-on	Hộp	33
95	2	Dung dịch phá vỡ hồng cầu 3 thành phần	* Thành phần hóa học: Chất hoạt động bề mặt: < 3.5% Chất đệm: < 1.0% Chất bảo quản: < 0.5% Chất ổn định: < 0.5% còn lại là nước không I-on	Hộp	22
96	3	Dung dịch rửa máy	* Thành phần hóa học:Chất tẩy rửa: <1%Chất đệm: < 1.0%Chất bảo quản: < 0.5%Chất ổn định: < 0.5%còn lại là nước không I-on	Hộp	20
97	4	Dung dịch rửa máy đậm đặc	* Thành phần hóa học: Chất tẩy rửa: < 1% Natri Hipoclorit: < 5.0% Natri Hydroxit: < 1,5% Chất ổn định: < 0,5%	Hộp	4
		Phần 11: Hóa chất dùng cho máy Sinh hóa PS380			
98	1	Creatinine	* Thành phần hóa học: + R1: Sodium Hydroxide: $\leq 0.16 \text{ mol/l}$ +R2: Picric acid: $\leq 4.0 \text{ mol/l}$. Hộp $\geq 500\text{ml}$	Hộp	13
99	2	Cholesterol	* Thành phần hóa học: Phenol: $\leq 2,4 \text{ g/L}$ Cholesterol esterase: $>800\text{U/L}$ Cholesterol oxidase : $>250 \text{ U/L}$ Peroxidase: $>500 \text{ U/L}$ 4-minoantipyrine: $\leq 0,08 \text{ g/L}$ PIPES (pH ≥ 6.9): $\leq 27,3 \text{ g/L}$. Hộp $\geq 600\text{ml}$	Hộp	8

100	3	Dung dịch rửa máy	Thành phần: Sequestering agent content (alkalimetric): $\leq 8.5-10\%$. Density (d 20°C/4°C) $\leq 1.05 - 1.09$. Free alkali (as NaOH) $\leq 1.5 - 2.5 \%$ Phosphate (PO ₄) $\leq 0.002 \%$. Hộp $\geq 2,5$ lít	Hộp	20
101	4	Dung dịch kiểm chuẩn mức trung bình	Hóa chất kiểm chuẩn (mức thường) cho các chất: Uric Acid, Albumin, GPT, GOT, Amylase, Total Bilirubin, Direct Bilirubin, Calcium, Chloride, Cholesterol, HDL, LDL, Creatine, Cholinesterase, CK, CK-MB, Alkaline Phosphate, GGT, Fructosamine, Glucose, Iron, Lactate, LDH, Lipase, Lithium, Magnesium, Potassium, Total protein, Sodium, Triglycerides, Urea. Thành phần: chất kiểm soát đông khô dựa trên huyết thanh người và chứa các thành phần vô cơ của người, động vật đã được tinh chế, kiểm tra âm tính với HBsAg, anti- HCV và anti HIV1+2. Hộp ≥ 30 ml	Hộp	6
102	5	Dung dịch kiểm chuẩn mức cao	Hóa chất kiểm chuẩn (mức cao) cho các chất: Uric Acid, Albumin, GPT, GOT, Amylase, Total Bilirubin, Direct Bilirubin, Calcium, Chloride, Cholesterol, HDL, LDL, Creatine, Cholinesterase, CK, CK-MB, Alkaline Phosphate, GGT, Fructosamine, Glucose, Iron, Lactate, LDH, Lipase, Lithium, Magnesium, Potassium, Total protein, Sodium, Triglycerides, Urea. Thành phần: chất kiểm soát đông khô dựa trên huyết thanh người và chứa các thành phần vô cơ của người, động vật đã được tinh chế, kiểm tra âm tính với HBsAg, anti- HCV và anti HIV1+2. Hộp ≥ 30 ml	Hộp	6
103	6	Glucose	* Thành phần hóa học: TRIS buffer (pH: 7,4): $\leq 27,9$ g/L Phenol: ≤ 28 mg/L 4-Aminoantipyrine: $\leq 0,5$ mg/L Glucose Oxidase: ≤ 15 kU/L Peroxidase: ≤ 1 kU/L. Hộp ≥ 600 ml	Hộp	14
104	7	GOT	* Thành phần hóa học: + R1: TRIS (pH: 7,80): ≤ 9.7 g/LL-Aspartate: >150 mmol/L MDH: > 500 U/LLDH: > 700 U/L+ R2: α -ketoglutarate: $\leq 1,54$ g/L NADH: $\leq 0,12$ g/L. Hộp ≥ 500 ml	Hộp	10
105	8	GPT	* Thành phần hóa học: + R1: TRIS (pH: 7,80) : $\leq 12,1$ g/L L-Alanine: > 400 mmol/L LDH: > 1000 U/L + R2: α -ketoglutarate: $\leq 1,92$ g/L NADH: $\leq 0,12$ g/L. Hộp ≥ 500 ml	Hộp	10
106	9	Acid uric	* Thành phần hóa học: + R1: Phosphate (pH: ≥ 7.4): $\geq 4,7$ g/L 2-4 Dichlorophenol Sulfonate: $\geq 0,97$ g/L + R2 Peroxidase: ≤ 600 U/L Uricase: ≤ 50 U/L	Hộp	4

			Ascorbate Oxidase: ≤ 180 U/L 4-Aminoantipyrine: $\geq 0,2$ g/L - Bước sóng phân tích: ≤ 520 nm. Hộp ≥ 500 ml		
107	10	Triglycerid	* Thành phần hóa học: Good's buffer (pH: 6.3): 50 mmol/L p-Chlorophenol: 0,25 g/L ATP: 0.05 g/L Peroxidase (POD): > 400 U/L Glycerol kinase (GK): > 400 U/L Lipoprotein lipase (LPL): > 120000 U/L 4-Aminoantipyrine: 0,02 g/L Glycerol-3-phosphate-oxidase: > 3000 U/L. Hộp ≥ 600 ml	Hộp	4
108	11	Urea UV	* Thành phần hóa học: + R1: TRIS (pH: 7,80) : ≤ 9.7 g/L 2-Oxoglutarate : $\leq 0,87$ g/L Urease : > 70000 U/L + R2 NADH : $\leq 0,21$ g/L GLDH : > 50000 U/L. Hộp ≥ 500 ml	Hộp	13
		Phần 12: Y, dụng cụ y tế			
109	1	Giá đựng nước tiểu	Chất liệu Inox . Gồm 20 lỗ	Cái	20
110	2	Giá đỡ ống nghiệm	Phi 20mm - 40 vị trí	Cái	10
111	3	Hộp đựng bông cotton	Hộp đựng bông chất liệu inox 304, đường kính 10 cm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	9
112	4	Kéo thẳng nhọn	Kéo phẫu thuật, mũi nhọn thẳng, chất liệu bằng thép không gỉ, kích thước 18cm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	6
113	5	Kéo cong nhọn	Kéo phẫu thuật, mũi nhọn cong, chất liệu: làm bằng thép không gỉ. kích thước 16cm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	2
114	6	Kéo cong nhọn	Kéo phẫu thuật, mũi nhọn cong, chất liệu: làm bằng thép không gỉ. kích thước 10-12cm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	7
115	7	Panh không mẫu thẳng	Panh không mẫu thẳng, chất liệu: thép không gỉ, chiều dài 20cm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	7
116	8	Panh không mẫu thẳng	Panh không mẫu thẳng, chất liệu: thép không gỉ, chiều dài 18 cm . Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	2
117	9	Panh có mẫu thẳng	Panh có mẫu thẳng, chất liệu: thép không gỉ, chiều dài khoảng 20cm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13486	Cái	5
118	10	Kẹp phẫu tích	Chất liệu thép không gỉ. Đầu lớn, kích thước 18 cm	Cái	4
119	11	Máy đo nhiệt độ cầm tay	Nhiệt kế hồng ngoại dùng đo nhiệt độ cơ thể chính xác mà không cần tiếp xúc trực tiếp. Màn hình LCD, Bộ nhớ lưu trữ 30 kết quả, tự động tắt khi không sử dụng.	Cái	1
120	12	Khay quả đậu	Chất liệu inox 304 hoặc tương đương , nông, bề mặt sáng bóng , kích thước (20cm x 12cm) $\pm 5\%$	Cái	4
121	13	Cốc inox đựng dung dịch sát khuẩn	Chất liệu inox; phi 8cm, cao 5cm	Cái	4
122	14	Hộp inox chữ nhật	Chất liệu inox k thước 22cm x 10 cm	Cái	2
123	15	Hộp inox tròn hấp dụng cụ	Đường kính ≥ 24 - 25cm	Cái	1
124	16	Trụ cắm panh	Kích thước: chiều cao của trụ 16cm-18 cm, đường kính 6cm; chiều cao của đế 3cm, đường kính của đế 10cm;	Cái	2

125	17	Huyết áp điện tử	Màn hình LCD kỹ thuật số. + Khoảng đo huyết áp: tâm thu: 60 – 260 mmHg / tâm trương: 40 – 215 mmHg. Độ chính xác huyết áp: +/- 3mmHg. + Khoảng đo nhịp tim: 40 – 180 nhịp/phút. Độ chính xác nhịp tim: +/- 5%.	Cái	1
126	18	Ống nghe	Mặt nghe gồm chuông và màng nghe được thiết kế 2 mặt ống nghe 2 tai làm bằng đồng thau dây chữ Y làm bằng nhựa. Hoặc cấu hình tương đương.	Cái	2
127	19	Súng bắn trĩ	Được làm bằng thép không gỉ, có thể hấp sấy được ở nhiệt độ 143 độ C	Bộ	1
128	20	Kẹp cầm máu kelly nhỏ	Kẹp cầm máu kelly nhỏ thẳng được làm từ chất liệu thép không gỉ an toàn - Dùng để kẹp bông băng, rửa vết thương	Cái	2
129	21	Xe đẩy loại 40 lít	Chất liệu inox. Kích thước: Dài 1400mm x rộng 320mm x cao 970mm	Cái	1